

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXIII

Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 3

Này thiện nam! Trí chẳng đầy đủ gồm có năm việc. Người đó biết rồi cầu gần bạn lành. Bạn lành ấy phải biết quan sát người này về tham dục, sân hận, ngu si và suy nghĩ để biết người này thiên về cái gì nhiều. Nếu biết người đó tham dục nhiều thì liền nên vì họ nói pháp quán bất tịnh. Người sân hận nhiều thì vì họ nói từ bi. Người suy nghĩ hiểu biết nhiều thì dạy cho họ phép đếm hơi thở. Người chấp trước ngã nhiều thì phải vì họ phân tích mười tám giới v.v... Người đó nghe rồi chí tâm thọ trì, chí tâm thọ trì rồi theo đúng như pháp tu hành, theo đúng như pháp tu hành rồi theo thứ lớp chứng được Bốn niệm xứ, quán thân thọ, tâm, pháp. Đặc pháp quán này rồi thì theo thứ lớp quán mười hai nhân duyên. Quán như vậy rồi thì người đó được pháp noãn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều có pháp noãn. Vì sao? Vì như lời Phật nói, ba pháp hòa hợp gọi là chúng sinh: một là thọ mạng, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này thì tất cả chúng sinh đáng lẽ trước có noãn mà vì sao Như Lai nói, pháp noãn nhân bạn lành sinh ra?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Pháp noãn mà như lời ông hỏi thì tất cả chúng sinh cho đến Nhất-xiển-đề đều có hết. Còn pháp noãn mà hôm nay Ta nói là pháp noãn cần phải nhân phương tiện, rồi sau đó mới được thì nó vốn không nay có. Do nghĩa này nên chẳng phải các chúng sinh, tất cả trước đã có. Vậy nên hôm nay, ông chẳng nên nản

vấn Ta là tất cả chúng sinh đều có pháp noãn. Nay thiện nam! Pháp noãn như vậy là pháp của Sắc giới, chẳng phải Dục giới có được. Nếu nói, tất cả chúng sinh có thì chúng sinh Dục giới đáng lẽ cũng có, nhưng Dục giới không có nên phải biết là chẳng phải tất cả có. Vì sao? Vì đệ tử của Ta có, còn ngoại đạo thì không. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng nhất định đều có. Nay thiện nam! Tất cả ngoại đạo chỉ quán sáu hạnh, còn đệ tử của Ta đầy đủ mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh này không hẳn là tất cả chúng sinh đều có.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cái nói là pháp noãn thì sao gọi là noãn? Vì tự tánh noãn hay vì người khác nên noãn?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Pháp noãn như vậy, tự tánh noãn, chẳng phải vì người khác nên noãn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai trước đã nói, mã sư Mãn Túc không có pháp noãn. Vì sao? Vì ở chỗ Tam bảo không tín tâm. Vậy nên không có noãn thì phải biết tín tâm tức là pháp noãn.

–Nay thiện nam! Tín chẳng phải pháp noãn. Vì sao? Vì nhân ở tín tâm rồi sau mới được noãn. Nay thiện nam! Luận về pháp noãn tức là trí tuệ. Vì sao? Vì quan sát bốn đế. Vậy nên gọi đó là mười sáu hạnh mà hạnh tức là trí. Nay thiện nam! Như câu hỏi của ông, nhân duyên gì nên gọi là noãn? Nay thiện nam! Luận về pháp noãn tức là tướng lửa của tám Thánh đạo. Vậy nên gọi là noãn. Nay thiện nam! Ví như dùi lửa thì trước có hơi ấm, tiếp đến có lửa sinh ra và sau cùng thì bốc khói. Đạo vô lậu này cũng như vậy. Hơi ấm tức là mười sáu hạnh, lửa tức là quả Tu-đà-hoàn, khói tức là tu đạo, cắt đứt kiết sử.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy pháp noãn cũng là pháp hữu, cũng là hữu vi. Quả báo pháp này được năm ấm của Sắc giới nên gọi là hữu. Do nhân duyên này nên lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi thì làm sao có thể là tướng của đạo vô lậu được?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Này thiện nam! Như vậy pháp noãn tuy là pháp hữu, hữu vi, nhưng trở lại có thể phá hoại pháp hữu hữu vi. Vậy nên nó có thể là tướng của đạo vô lậu. Này thiện nam! Như người cỡi ngựa cũng yêu ngựa nhưng cũng thúc giục ngựa. Noãn tâm cũng vậy, vì ưa thích nên thọ sinh, vì nhàm chán nên quan sát hạnh. Vậy nên tuy lại là pháp hữu, hữu vi mà có thể cùng làm tướng cho chánh đạo kia đặc pháp noãn. Có bảy mươi ba hạng người, Dục giới có mười hạng người. Hạng người này đầy đủ tất cả phiền não, từ đoạn một phần cho đến chín phần. Như ở Dục giới, từ Sơ thiên cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Đó gọi là bảy mươi ba hạng. Những người như vậy được pháp noãn rồi chẳng có thể cắt đứt căn lành, làm tội ngũ nghịch, phạm bốn trọng cấm. Hai hạng người này, một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác. Người gặp bạn ác thì tạm nổi trở lại chìm. Người gặp bạn lành thì quan sát khắp bốn phương, quan sát bốn phương tức là pháp đỉnh. Pháp này tuy tánh là năm ấm nhưng cũng duyên bốn đế. Vậy nên được gọi là quan sát khắp bốn phương. Được pháp đỉnh rồi tiếp đến được pháp nhãn. Nhãn này cũng vậy, tánh cũng năm ấm, cũng duyên bốn đế. Người này tiếp đến được pháp thế đệ nhất. Pháp này tánh là năm ấm, cũng duyên bốn đế. Người này tiếp đến được pháp khổ nhãn mà tánh của nhãn là tuệ duyên với một đế. Như vậy pháp nhãn duyên một đế rồi cho đến thấy đạo đoạn phiền não, được quả Tu-đà-hoàn. Đó gọi là loại thứ tư quan sát khắp bốn phương. Bốn phương tức là bốn đế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật trước đã nói, việc đoạn phiền não của hàng Tu-đà-hoàn giống như dòng nước dọc ngang bốn mươi dặm, cái còn lại ấy thì như một giọt nước trên đầu sợi lông. Trong giọt nước nhỏ này thì sao nói là đoạn ba kết? Gọi là Tu-đà-hoàn thì một là chấp ngã, hai là chẳng phải nhân chấp là nhân, ba là nghi võng. Thưa Thế Tôn! Vì nhân duyên gì gọi Tu-đà-hoàn quan sát khắp bốn phương? Lại vì nhân duyên gì gọi Tu-đà-hoàn? Lại vì nhân duyên gì dùng cá Tích dụ cho Tu-đà-hoàn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hàng Tu-đà-hoàn tuy lại có thể đoạn vô lượng phiền não nhưng ba thứ nặng này cũng thuộc về tất cả kiết sử phải đoạn của hàng Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Ví như vị đại vương khi ra đi tuần du tuy có bốn binh chủng nhưng người đời chỉ nói vua đến vua đi. Vì sao? Vì thế gian xem trọng vua. Ba phiền não này cũng như vậy. Vì nhân duyên gì mà gọi đó là nặng? Vì tất cả chúng sinh thường sinh khởi, vì vi tế khó nhận biết nên gọi là nặng. Vì ba kết này khó có thể đoạn trừ, vì có thể là nhân của tất cả phiền não, vì là oán địch của ba thứ đối trị là giới, định, tuệ. Này thiện nam! Có các chúng sinh nghe Tu-đà-hoàn có thể đoạn vô lượng phiền não như vậy thì sinh tâm thoái chuyển, liền nói lên: “Chúng sinh làm sao có thể đoạn vô lượng phiền não như vậy?”. Vậy nên Như Lai thị hiện phương tiện nói có ba. Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì mà hàng Tu-đà-hoàn dụ cho sự quan sát bốn phương?

Này thiện nam! Hàng Tu-đà-hoàn quan sát bốn để đạt được bốn việc: Một là trụ ở đạo kiên cố, hai là có thể quan sát khắp, ba là có thể thấy như thật, bốn là có thể hoại oán lớn. Đạo kiên cố nghĩa là năm căn của Tu-đà-hoàn không thể động. Vậy nên gọi là trụ đạo kiên cố. Quan sát cùng khắp nghĩa là Tu-đà-hoàn có thể quả trách phiền não trong ngoài. Thấy như thật tức là nhãn trí. Hoại oán lớn nghĩa là hoại bốn điên đảo. Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn? Này thiện nam! Tu là gọi vô lậu, đà-hoàn là gọi tu tập. Tu tập vô lậu nên gọi là Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Lại nữa, Tu gọi là dòng. Dòng có hai thứ: một là thuận dòng, hai là ngược dòng. Do ngược dòng nên gọi là Tu-đà-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu từ ý nghĩa này thì vì nhân duyên gì mà hàng Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán chẳng được gọi là Tu-đà-hoàn?

–Này thiện nam! Từ Tu-đà-hoàn cho đến các Đức Phật cũng được gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu từ Tư-đà-hàm cho đến chư Phật không Tu-đà-hoàn thì làm sao được gọi là Tư-đà-hàm cho đến Phật? Tên

của tất cả chúng sinh có hai thứ: một là cật, hai là khách. Khi còn là phàm phu thì có tên gọi của đời. Đã đắc đạo rồi thì đổi tên gọi là Tu-đà-hoàn. Do trước đắc đạo nên tên là Tu-đà-hoàn, rồi sau đắc tiếp nên gọi là Tư-đà-hàm. Người đó cũng tên là Tu-đà-hoàn, cũng tên là Tư-đà-hàm cho đến Phật cũng như vậy.

Này thiện nam! Lưu có hai thứ: Một là giải thoát, hai là Niết-bàn. Tất cả Thánh nhân đều có hai thứ này, cũng có thể được gọi là Tu-đà-hoàn, cũng gọi là Tư-đà-hàm cho đến Phật cũng như vậy.

Này thiện nam! Tu-đà-hoàn cũng gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát tức là tận trí và vô sinh trí mà hàng Tu-đà-hoàn cũng lại mong cầu hai thứ trí như thế. Vậy nên phải biết hàng Tu-đà-hoàn được gọi là Bồ-tát. Hàng Tu-đà-hoàn cũng được gọi là giác. Vì sao? Vì chánh giác thì thấy đạo, cắt đứt phiền não. Do nhân quả của chánh giác nên chánh giác chung với đạo và chẳng chung với đạo. Tư-đà-hàm cho đến A-la-hán cũng như vậy.

Này thiện nam! Tu-đà-hoàn này thường có hai hạng: Một là lợi căn, hai là độn căn. Người độn căn thì qua lại cõi người, trời bảy lần. Người độn căn đó lại có năm thứ: hoặc người có sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần qua lại trời, người. Người lợi căn thì hiện tại chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

Này thiện nam! Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì dùng loài cá Tích dụ cho hàng Tu-đà-hoàn? Này thiện nam! Loài cá Tích có bốn đặc tính: Một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là ưa thấy ánh sáng, bốn là ngậm vật giữ chặt. Hàng Tu-đà-hoàn cũng có bốn đặc tính: phiền não vi tế dụ cho xương nhỏ, có chỉ và quán nên dụ cho có cánh, thấy đạo dụ cho ưa thấy ánh sáng, ngậm vật giữ chặt là dụ cho nghe. Như Lai nói vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì giữ chặt chẳng bỏ dụ cho ngậm vật giữ chặt. Giống như Ma vương hóa làm hình dáng Phật, trưởng giả Thủ-la nhìn thấy rồi lòng kinh hãi. Ma thấy lòng ông trưởng giả ấy động rồi, liền nói với ông Trưởng giả: “Ta trước nói có bốn chân đế là lời nói chẳng chân thật. Nay ta sẽ vì ông nói lại có năm đế, sáu ấm, mười ba nhập, mười chín giới”. Ông trưởng giả nghe rồi liền quan sát pháp tướng, nhưng đều không

có cái lý này. Vậy nên kiên trì lòng mình chẳng động.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tu-đà-hoàn này trước đã được đạo nên gọi là Tu-đà-hoàn. Vì sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu trước đã đắc đạo gọi là Tu-đà-hoàn thì khi đắc pháp khổ nhẫn vì sao chẳng được gọi là Tu-đà-hoàn mà gọi là Hương? Nếu vì sơ quả mà gọi là Tu-đà-hoàn thì người ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, đến được Vô sở hữu xứ mà tu đạo vô lậu lại được quả A-na-hàm, thì vì sao chẳng gọi họ là Tu-đà-hoàn?

–Này thiện nam! Do sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn. Như lời ông hỏi, người ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, đến được Vô sở hữu xứ mà tu đạo vô lậu đắc quả A-na-hàm thì vì sao chẳng gọi họ là Tu-đà-hoàn? Này thiện nam! Do sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn. Người này khi ấy đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Người được A-na-hàm cũng như vậy, cũng được tám trí, đủ mười sáu hạnh mà vì sao chẳng được gọi là Tu-đà-hoàn?

–Này thiện nam! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ: Một là chung, hai là không chung. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai thứ: Một là hương quả, hai là đắc quả. Tám trí cũng có hai: Một là hương quả, hai là đắc quả. Người Tu-đà-hoàn xả mười sáu hạnh chung, đắc mười sáu hạnh không chung, bỏ tám trí hương quả, đắc tám trí đắc quả. A-na-hàm thì chẳng như vậy. Vậy nên sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn.

Này thiện nam! Hàng Tu-đà-hoàn duyên với bốn đế, còn hàng A-na-hàm chỉ duyên một đế. Vậy nên sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn. Do nhân duyên này nên dùng loài cá Tích để dụ. Người quan sát khắp rồi đi tức là Tư-đà-hàm hết lòng tu đạo vì đoạn trừ tham, sân, si, kiêu mạn như con cá Tích kia quan sát khắp bốn phương rồi vì mỗi ăn nên đi. Đi rồi dừng lại là dụ cho A-na-hàm được thức ăn rồi dừng lại. A-na-hàm này thường có hai thứ: Một là hiện tại đắc A-na-hàm rồi tiến tu liền được quả A-la-hán. Hai là tham đắm Tam-muội Tịch

tĩnh trong Sắc giới, Vô sắc giới mà người này chẳng thọ thân Dục giới nên gọi là A-na-hàm. A-na-hàm này lại có năm thứ: Một là Trung Bát-niết-bàn, hai là Thọ thân Bát-niết-bàn, ba là Hành Bát-niết-bàn, bốn là Vô hành Bát-niết-bàn, năm là Thượng lưu Bát-niết-bàn. A-na-hàm lại có sáu thứ: năm thứ nêu trên, thêm sáu là Hiện tại Bát-niết-bàn. Lại có bảy thứ: sáu thứ như trên, thêm bảy là Vô sắc giới Bát-niết-bàn. Hành Bát-niết-bàn lại có hai thứ: Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thì đó gọi là lợi căn. Nếu thọ bốn thân thì đó gọi là độn căn. Lại có hai thứ: Một là tinh tấn không tự tại định, hai là biếng trễ có tự tại định. Lại có hai thứ: Một là cụ tinh tấn, hai là bất cụ.

Này thiện nam! Chúng sinh nơi Dục giới có hai thứ nghiệp: Một là tác nghiệp, hai là thọ sinh nghiệp. Trung Niết-bàn thì chỉ có tác nghiệp không có thọ sinh nghiệp. Vậy nên ở khoảng giữa mà Bát-niết-bàn, đó là xả thân Dục giới, chưa đến Sắc giới. Do lợi căn nên ở Trung Niết-bàn. Hàng A-na-hàm Trung Niết-bàn này có bốn thứ tâm: Một là phi học phi vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là phi học phi vô học. Vào Niết-bàn thì sao lại gọi là Trung Bát-niết-bàn? Này thiện nam! Vì trong bốn thứ tâm của A-na-hàm này có hai: Một là Niết-bàn và hai là phi Niết-bàn. Vậy nên gọi là Trung Bát-niết-bàn. Thọ thân Niết-bàn có hai thứ: Một là tác nghiệp, hai là sinh nghiệp. Người xả thân Dục giới thọ thân Sắc giới, tinh cần tu đạo, hết thọ mạng ấy thì vào Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói hết thọ mạng vào Niết-bàn thì sao nói thọ thân Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người này thọ thân rồi sau đó mới đoạn trừ phiền não của ba cõi nên gọi là Thọ thân Niết-bàn. Này thiện nam! Hành Bát-niết-bàn thì thường tu hành đạo. Do có sức của Tam-muội hữu vi nên có thể đoạn trừ phiền não mà vào Niết-bàn. Đó gọi là Hành Bát-niết-bàn. Vô hành Niết-bàn là, người này quyết định biết sẽ được Niết-bàn nên biếng trễ. Cũng do lực của Tam-muội hữu vi

nên hết thọ mạng thì được vào Niết-bàn. Đó gọi là Vô hành Niết-bàn. Thượng lưu Bát-niết-bàn là, nếu có người được đệ Tứ thiên rồi mà sinh ra ái tâm ở Sơ thiên thì do nhân duyên này sinh lìa lại ở Sơ thiên. Hạng này có hai dòng: Một là dòng phiến não, hai là dòng đạo. Nhờ dòng đạo nên người này thọ mạng hết sinh ra thích Nhị thiên. Do nhân duyên này nên họ sinh ra ở Nhị thiên cho đến đệ Tứ thiên cũng như vậy. Trong bốn thiên này lại có hai thứ: Một là vào Vô sắc giới, hai là vào Ngũ tịnh cư. Hai hạng người như vậy thì một hạng ưa Tam-muội và hạng thứ hai ưa trí tuệ. Hạng ưa trí tuệ thì vào Ngũ tịnh cư còn hạng ưa Tam-muội thì vào Vô sắc giới. Như vậy hai hạng người: Một là tu đệ Tứ thiên thì có năm bậc sai khác, hai là chẳng tu. Những gì là năm? Đó là hạ, trung, thượng, thượng trung và thượng thượng. Người tu thượng thượng thì ở trời Vô Tiểu. Người tu thượng trung thì ở trời Thiên Kiến. Người tu thượng phẩm thì ở trời Thiên Khả Kiến. Người tu trung phẩm thì ở trời Vô Nhiệt. Người tu hạ phẩm thì ở trời Thiếu Quang. Hai hạng người như vậy, một là ưa luận nghị, hai là ưa tịch tĩnh. Người ưa tịch tĩnh thì vào Vô sắc giới. Người ưa luận nghị thì ở Ngũ tịnh cư. Lại có hai hạng người, một là tu tập thiên, hai là chẳng tu tập thiên. Người tu tập thiên thì vào Ngũ tịnh cư. Người chẳng tu tập thiên thì sinh ở Vô sắc giới. Hết thọ mạng thì người ấy Bát-niết-bàn, nên gọi là Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu muốn vào cõi Vô sắc thì chẳng thể tu tập năm cấp bậc của Tứ thiên. Nếu tu năm cấp bậc của Tứ thiên thì có thể quả trách định của cõi Vô sắc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Trung Niết-bàn là người lợi căn. Nếu là người lợi căn thì vì sao hiện tại chẳng vào Niết-bàn? Vì sao Dục giới có Trung Niết-bàn mà Sắc giới thì không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người đó hiện tại bốn đại gây yếu chẳng thể tu đạo, tuy có Tỳ-kheo với bốn đại mạnh khỏe nhưng không có phòng nhà, thức ăn thức uống, quần áo, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh v.v... mọi duyên chẳng đủ, nên chẳng được hiện tại Niết-bàn. Này

thiện nam! Vào một thuở nọ, Ta ở tại Tinh xá A-na-bàn-đề nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Ta nói như vậy: “Thưa Thế Tôn! Con thường tu đạo mà chẳng thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán”. Ta tức thời bảo Tôn giả A-nan: “Nay Tôn giả phải vì vị Tỳ-kheo này cấp đủ những sự cần dùng”. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đem vị Tỳ-kheo này đến rừng Kỳ-đà cấp cho phòng nhà tốt. Khi đó vị Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan: “Thưa Đại đức! Xin Đại đức vì tôi trang hoàng phòng nhà, sửa sang sạch sẽ, làm đẹp bằng bảy báu, treo lọng báu, cờ phướn bằng lụa”. Tôn giả A-nan nói: “Thế gian, người nghèo mới gọi là Sa-môn thì tôi sao có thể bày biện những việc đó?”. Vị Tỳ-kheo này nói: “Thưa Đại đức! Nếu Đại đức có thể vì tôi làm thì tốt. Nếu chẳng thể thì tôi sẽ trở lại đi đến chỗ Đức Thế Tôn”. Lúc này, Tôn giả A-nan liền đi đến chỗ Phật thưa: “Thưa Thế Tôn! Vừa rồi Tỳ-kheo theo con yêu cầu đủ thứ bằng bảy báu, cờ, lọng, chẳng xem xét việc này sẽ như thế nào”. Lúc ấy, Ta lại bảo Tôn giả A-nan: “Nay Tôn giả trở lại theo ý của Tỳ-kheo, bày biện đủ những vật cần dùng”. Bấy giờ, Tôn giả A-nan trở lại phòng đó, vì vị Tỳ-kheo này bày biện đầy đủ mọi thứ. Tỳ-kheo được như ý rồi thì hết lòng tu đạo, chẳng bao lâu ông ta liền được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

Này thiện nam! Vô lượng chúng sinh đáng lẽ vào Niết-bàn nhưng vì thiếu thốn làm loạn lòng họ nên chẳng vào được. Này thiện nam! Lại có chúng sinh rất ưa giáo hóa nên lòng họ rộn ràng chẳng thể định được. Vậy nên chẳng được Hiện tại Niết-bàn. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì xả thân Dục giới có Trung Niết-bàn mà Sắc giới thì không?

Này thiện nam! Người này quan sát ở Dục giới, nhân duyên phiền não có hai: Một là nội, hai là ngoại, mà trong Sắc giới không có ngoại nhân duyên. Dục giới lại có hai thứ ái tâm, một là dục ái, hai là thực ái. Quán sát hai ái này, hết lòng quả trách, quả trách rồi thì được vào Niết-bàn. Trong Dục giới này có thể quả trách các phiền não thô như là tham lam keo kiệt, sân hận, ganh ghét, không hổ, không thẹn. Do nhân duyên này nên có thể được Niết-bàn. Lại, đạo của Dục giới, tánh của đạo ấy dừng kiện. Vì sao? Vì được bốn

quả. Vậy nên Dục giới có Trung Niết-bàn mà trong Sắc giới thì không. Nay thiện nam! Trung Niết-bàn thì thường có ba thứ. Đó là thượng, trung, hạ. Thượng là xả thân chưa rời khỏi Dục giới liền được Niết-bàn. Trung là bắt đầu rời khỏi Dục giới chưa đến Sắc giới liền được Niết-bàn. Hạ là rời khỏi Dục giới rồi đến biên giới Sắc giới mới được Niết-bàn. Dụ dùng loài cá Tích được mỗi ăn rồi dừng lại, người này cũng vậy. Sao gọi là dừng lại? Ở tại Sắc giới và Vô sắc giới được thọ thân. Vậy nên gọi là dừng lại. Chẳng thọ thân trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh của Dục giới, nên gọi là dừng lại. Đã đoạn trừ vô lượng các phiền não kết, còn lại chút ít, nên gọi là dừng lại. Lại vì nhân duyên gì mà gọi đó là dừng lại? Vì chẳng bao giờ tạo tác việc của phàm phu, nên gọi là dừng lại. Mình không sợ gì, chẳng khiến người khác sợ, nên gọi là dừng lại. Xa lìa hai ái, xan tham, sân hận nên gọi là dừng lại.

Nay thiện nam! Người đến bờ kia là dụ cho A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát, Phật, giống như rùa thần trên nước trên đất đều đi được cả. Vì nhân duyên gì mà dùng rùa làm thí dụ? Vì khéo che giấu năm chi. Những bậc A-la-hán này cho đến chư Phật cũng như vậy, khéo che năm căn nên dụ cho rùa. Nói nước và đất thì nước dụ cho thế gian, đất dụ cho xuất thế gian. Các vị Thánh này cũng như vậy, có thể quan sát tất cả phiền não ác nên đến bờ kia. Vậy nên dụ cho đến dưới nước, trên đất đều đi.

Nay thiện nam! Như bầy loài chúng sinh trong sông Hằng, tuy có tên là cá, rùa nhưng chẳng lìa khỏi nước. Như vậy trong Đại Niết-bàn vi diệu, từ Nhất-xiển-đề lên đến chư Phật tuy có tên khác nhau nhưng cũng chẳng lìa khỏi nước Phật tánh. Nay thiện nam! Bầy loại chúng sinh này hoặc pháp thiện, hoặc pháp bất thiện, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ đệ, hoặc nhân, hoặc quả... hết thảy đều là Phật tánh. Đó gọi là ngôn ngữ Tùy tự ý của Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có nhân thì có quả, nếu không nhân thì không quả. Niết-bàn gọi là quả nên thường không có nhân. Nếu

không nhân thì sao gọi là quả? Nhưng mà Niết-bàn này cũng gọi là Sa-môn và gọi là quả Sa-môn thì thế nào là Sa-môn? Thế nào là quả Sa-môn?

–Này thiện nam! Tất cả thế gian có bảy thứ quả: Một là quả phương tiện, hai là quả báo ân, ba là quả thân cận, bốn là quả tàn dư, năm là quả bình đẳng, sáu là quả quả báo, bảy là quả viễn ly. Quả phương tiện là, như người thế gian, mùa thu, thu hoạch nhiều lúa, đều nói với nhau, được quả phương tiện. Quả phương tiện còn gọi là quả nghiệp hành. Quả như vậy thì có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần là gọi hạt giống. Nhân xa là gọi nước, phân bón, công sức của người. Đó gọi là quả phương tiện. Quả báo ân là, người thế gian cung phụng cha mẹ, cha mẹ đều nói, ta nay đã được quả báo ân dưỡng. Con có thể báo đền ơn cha mẹ thì đó gọi là quả. Quả như vậy thì nhân cũng có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là nghiệp thuần thiện đời quá khứ của cha mẹ. Nhân xa tức là cha mẹ đã sinh ra con hiếu. Đó gọi là quả báo ân. Quả thân cận thì ví như có người gần gũi bạn lành hoặc đấng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Người đó xưng lên: “Ta nay được quả thân cận”. Quả như vậy thì nhân có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần là lòng tin, nhân xa là bạn lành. Đó gọi là quả thân cận. Quả dư tàn thì như nhân chẳng sát hại được thân thứ ba kéo dài thêm thọ mạng. Đó gọi là quả dư tàn. Quả như vậy thì có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là thân, miệng, ý thanh tịnh. Nhân xa tức là kéo dài thêm thọ mạng. Đó gọi là quả tàn dư. Quả bình đẳng nghĩa là khí thế giới. Quả như vậy thì cũng có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần như là chúng sinh tu mười nghiệp thiện. Nhân xa như là tam tai. Đó gọi là quả bình đẳng. Quả quả báo thì như người chứng được thân thanh tịnh rồi tu nghiệp thanh tịnh của thân, miệng, ý. Người đó liền nói, ta đấng quả quả báo. Quả như vậy thì nhân có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần thì như là thân, miệng, ý hiện tại thanh tịnh. Nhân xa thì như là thân, miệng, ý quá khứ thanh tịnh. Đó gọi là quả quả báo. Quả viễn ly tức là Niết-bàn lìa các khổ não. Tất cả nghiệp thiện là nhân của Niết-bàn. Nó lại có hai thứ: Một là nhân

gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là ba cửa giải thoát. Nhân xa tức là việc tu hành pháp thiện của vô lượng đời.

Này thiện nam! Như pháp thế gian, hoặc nói sinh nhân, hoặc nói liễu nhân. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sinh nhân, cũng nói liễu nhân. Này thiện nam! Ba cửa giải thoát, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể vì tất cả phiền não làm chẳng sinh ra sinh thân, cũng vì Niết-bàn mà làm liễu nhân. Này thiện nam! Lìa xa phiền não thì được thấy rõ ràng Niết-bàn. Vậy nên Niết-bàn chỉ có liễu nhân, không có sinh nhân. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, thế nào là Sa-môn na? Thế nào là Sa-môn quả? Này thiện nam! Sa-môn na tức là tám chánh đạo. Sa-môn quả là từ đạo diệt trừ vĩnh viễn tất cả tham, sân, si v.v... Đó gọi là Sa-môn na và Sa-môn quả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà tám chánh đạo gọi là Sa-môn na?

–Này thiện nam! Đời gọi Sa-môn là thiếu. Na gọi là đạo. Như vậy đạo là đoạn tất cả thiếu, đoạn tất cả đạo. Do nghĩa này nên gọi tám chánh đạo là Sa-môn na. Từ trong đạo này chứng được quả nên gọi là Sa-môn quả. Này thiện nam! Lại, Sa-môn na là, như người thế gian có người vui với sự tịch tĩnh yên lặng thì cũng gọi là Sa-môn. Như vậy thì đạo cũng thế, có thể khiến cho hành giả lìa khỏi các ác của thân, miệng, ý và tà mạng v.v... mà được vui tịch tĩnh, nên gọi là Sa-môn na. Này thiện nam! Như hạ nhân của đời có thể làm bậc thượng nhân, nên gọi là Sa-môn na. Như vậy đạo cũng như vậy, có thể khiến cho hạ nhân làm bậc thượng nhân, nên gọi là Sa-môn na. Này thiện nam! Hàng A-la-hán tu đạo này thì được Sa-môn quả. Vậy nên được gọi là đến bờ kia. Quả A-la-hán tức là năm phần pháp thân vô học: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nhân năm phần này được đến bờ kia. Vậy nên gọi là đến bờ kia. Đến bờ kia rồi tự nói: “Ta, sự sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã hoàn thành, lại chẳng thọ thân sau”. Này thiện nam! A-la-hán này đã đoạn trừ vĩnh viễn nhân duyên sinh ba đời, nên tự nói: “Ta sự sinh đã hết”, cũng cắt đứt thân năm ấm của ba cõi, nên lại nói: “Ta,

sự sinh đã hết”, việc tu phạm hạnh đã rốt ráo, nên nói: “Phạm hạnh đã lập”. Lại xả bỏ học đạo nên cũng gọi là đã lập. Như sở cầu thuở trước, ngày nay đã được, vậy nên nói: “Việc làm đã hoàn thành”. Tu đạo đắc quả cũng nói, đã hoàn thành. Chứng được Tận trí, Vô sinh trí nên nói: “Ta, sự sinh đã hết, tận diệt các hữu kết”. Do những nghĩa này nên gọi là A-la-hán được đến bờ kia. Như A-la-hán, Phật-bích-chi cũng như vậy. Bồ-tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nên gọi là đến bờ kia. Phật và Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì được quả của sáu pháp Ba-la-mật. Do được quả nên gọi là đầy đủ.

Này thiện nam! Bấy loại chúng sinh này chẳng tu thân, chẳng tu giới, chẳng tu tâm, chẳng tu tuệ, chẳng thể tu tập bốn việc như vậy thì có thể tạo tác tội nặng ngũ nghịch, có thể cắt đứt căn lành, phạm bốn trọng cấm, bài báng Phật, Pháp, Tăng. Vậy nên họ được gọi là thường đắm chìm.

Này thiện nam! Trong bầy hạng người này nếu có người có thể thân cận thiện tri thức, hết lòng nghe thọ chánh pháp của Như Lai, nội tâm khéo tư duy, theo đúng như pháp mà trụ, tinh cần tu tập thân, giới, tâm, tuệ thì được gọi là qua khỏi dòng sông sinh tử, đến được bờ kia. Nếu có người nói, người Nhất-xiển-đề được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó gọi là nhiệm trước, còn nếu nói, chẳng được thì đó gọi là hư vọng.

Này thiện nam! Bấy hạng người này, hoặc có một hạng đủ cả bảy, hoặc bảy hạng mỗi hạng chỉ có một. Này thiện nam! Nếu hạng người mà tâm miệng tưởng khác, nói khác, cho là Nhất-xiển-đề đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu hạng người mà tâm miệng tưởng khác, nói khác, cho là Nhất-xiển-đề chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Nếu có người nói Bát thánh đạo phạm là sở đắc của phàm phu thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói, Bát thánh đạo phạm chẳng phải là sở đắc của

phàm phu thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Nếu có người nói, tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh, nhất định không có Phật tánh, thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Vậy nên ở trong kệ kinh Ta nói có hai hạng người bài báng Phật, Pháp, Tăng: Một là chẳng tin vì lòng sân hận, hai là tuy tin nhưng chẳng hiểu nghĩa.

Này thiện nam! Nếu người có lòng tin mà không có trí tuệ thì người đó có thể thêm lớn vô minh. Nếu có trí tuệ mà không có lòng tin thì người đó có thể thêm lớn tà kiến.

Này thiện nam! Người chẳng tin vì lòng sân hận nên nói, không có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Người tin mà không tuệ thì giải nghĩa điên đảo khiến cho người nghe pháp bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Vậy nên Ta nói, người chẳng tin vì lòng sân hận, người có tin mà không trí tuệ là những người có thể bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Nếu có người nói, Nhất-xiển-đề v.v... chưa sinh ra pháp thiện liền đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người nói, Nhất-xiển-đề bỏ Nhất-xiển-đề, ở trong thân khác đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người nói, Nhất-xiển-đề có thể sinh ra thiện căn, sinh thiện căn rồi nối nhau chẳng đoạn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên nói, Nhất-xiển-đề đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải biết người đó chẳng bài báng Tam bảo.

Này thiện nam! Nếu có người nói, tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng tạo tác, chẳng sinh khởi nhưng vì nhân duyên phiền não nên chẳng thấy thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói, tất cả chúng sinh đều không có Phật tánh giống như sừng thỏ, từ phương tiện sinh ra, vốn không nay có, có rồi trở lại không, thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói, Phật tánh của chúng sinh

chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì sao? Vì hư không thì thường, sừng thỏ thì không có. Vậy nên nói, cũng có cũng không. Nếu có thì nên phá sừng thỏ, còn không thì nên phá hư không. Người nói như vậy thì chẳng bài báng Tam bảo.

Này thiện nam! Luận về Phật tánh thì chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là vạn pháp. Khi chưa đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả thiện, bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh. Như Lai, hoặc khi trong nhân nói quả, trong quả nói nhân. Đó gọi là lời nói tùy ý của Như Lai. Vì lời nói tùy ý nên gọi là Như Lai, lời nói tùy ý nên gọi là A-la-ha, lời nói tùy ý nên gọi là Tam-miêu-tam-phật-đà.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, Phật tánh của chúng sinh giống như hư không, thì sao gọi là như hư không?

–Này thiện nam! Tánh của hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Phật tánh cũng vậy.

Này thiện nam! Hư không chẳng phải quá khứ. Vì sao? Vì không có hiện tại. Nếu có pháp hiện tại thì có thể nói quá khứ. Nhưng do không có hiện tại nên không có quá khứ, cũng không có hiện tại. Vì sao? Vì không có vị lai. Nếu có pháp vị lai thì có thể nói hiện tại. Nhưng do không có vị lai nên không có hiện tại, cũng không có vị lai. Vì sao? Vì không có hiện tại và quá khứ. Nếu có hiện tại, quá khứ thì có vị lai, nhưng do không có hiện tại, quá khứ nên không có vị lai. Do nghĩa này nên tánh của hư không chẳng phải thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Do hư không không có nên không có ba đời, chẳng phải là có nên không có ba đời. Như hoa hư không chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng vậy, chẳng phải là có nên không có ba đời.

Này thiện nam! Không có vật tức là hư không, Phật tánh cũng vậy.

Này thiện nam! Hư không không có nên chẳng phải thuộc về

ba đời. Phật tánh thường nên chẳng phải thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Như Lai đã đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên Phật tánh và tất cả pháp Phật của Như Lai thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời giống như hư không.

Này thiện nam! Hư không không có nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, Phật tánh thường nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên nói Phật tánh giống như hư không.

Này thiện nam! Như trong thế gian, không chỗ ngăn ngại gọi là hư không. Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì đối với tất cả pháp không có ngăn ngại nên nói, Phật tánh giống như hư không. Do nhân duyên này Ta nói, Phật tánh giống như hư không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai, Phật tánh, Niết-bàn chẳng phải thuộc về ba đời mà gọi là hữu. Hư không cũng chẳng phải thuộc về ba đời mà vì sao chẳng được gọi là hữu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì chẳng phải Niết-bàn gọi là Niết-bàn. Vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai. Vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh. Sao gọi là chẳng phải Niết-bàn? Đó là tất cả pháp hữu vi phiền não. Vì phá phiền não hữu vi như vậy nên gọi là Niết-bàn. Chẳng phải Như Lai là gọi từ hàng Nhất-xiển-đề đến Phật-bích-chi. Vì phá Nhất-xiển-đề đến Phật-bích-chi như vậy nên gọi là Như Lai. Chẳng phải Phật tánh là, gọi tất cả những vật vô tình như tường vách, sành, đá v.v... Là những vật vô tình như vậy thì đó gọi là Phật tánh. Này thiện nam! Tất cả thế gian đều tiếp xúc với hư không, ở trong hư không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế gian cũng đều tiếp xúc với bốn đại mà vẫn gọi bốn đại là có, nhưng vì sao tiếp xúc với hư không mà chẳng gọi là có?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói Niết-bàn chẳng phải thuộc về ba đời mà hư không cũng vậy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì Niết-

bàn là có, có thể thấy, có thể chứng, là sắc với đủ dấu vết, chương cú, là có, là tướng, là duyên, là chỗ quy y, là ánh sáng tịch tĩnh, là bờ bên kia yên ổn, sáng trong, vắng lặng. Vậy nên được gọi là chẳng phải thuộc về ba đời. Còn tánh của hư không là không có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu có cái xa lìa những pháp như vậy mà lại có pháp thì nên thuộc về ba đời. Hư không nếu đồng với pháp có này thì chẳng thể chẳng phải thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Như người đời nói, hư không là không sắc, không đối, chẳng thể nhìn thấy. Nếu không sắc, không đối, chẳng thể nhìn thấy thì tức là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng với tâm sở pháp thì chẳng thể chẳng thuộc về ba đời. Vì nếu thuộc về ba đời thì là bốn ấm. Vậy nên lìa khỏi bốn ấm rồi thì không có hư không.

Lại nữa, này thiện nam! Các ngoại đạo nói, hư không tức là ánh sáng. Nếu là ánh sáng thì là sắc pháp. Hư không nếu là sắc pháp thì là vô thường. Đã là vô thường thì thuộc về ba đời, vậy làm sao ngoại đạo nói là chẳng phải ba đời? Nếu thuộc về ba đời thì chẳng phải hư không, cũng có thể nói, hư không là thường.

Này thiện nam! Lại có người nói, hư không tức là trụ xứ. Hư không nếu có trụ xứ tức là sắc pháp, mà tất cả chỗ trụ đều là vô thường thuộc về ba đời. Hư không cũng thường, chẳng phải thuộc về ba đời. Nếu nói có chỗ thì biết là không có hư không. Lại có người nói, hư không tức là thứ lớp. Nếu là thứ lớp tức là pháp số. Nếu là có thể tính đếm tức là thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời thì làm sao nói là thường?

Này thiện nam! Nếu lại nói hư không chẳng lìa khỏi ba pháp: Một là không, hai là thật, ba là không thật. Nếu nói không là đúng thì phải biết hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì không có chỗ thật. Nếu nói là thật đúng thì phải biết hư không cũng là vô thường. Vì sao? Vì chỗ không là không. Nếu không, thật thì phải biết hư không cũng là vô thường. Vì sao? Vì cả hai chỗ là không. Vậy nên gọi hư không là vô vi.

Này thiện nam! Như nói, hư không là pháp có thể tạo tác. Như nói bỏ cây cối, bỏ nhà cửa làm cho trống không, làm bằng phẳng

trống không, che phủ hư không, vọt lên hư không, vẽ màu sắc hư không như nước biển cả. Vậy nên hư không là pháp có tạo tác. Tất cả pháp tạo tác đều là vô thường, giống như chiếc bình gốm. Hư không nếu vậy thì nên là vô thường.

Này thiện nam! Người thế gian nói, chỗ không ngăn ngại trong tất cả pháp gọi là hư không. Chỗ không ngăn ngại này đối với tất cả chỗ là có đầy đủ hay là có từng phần? Nếu có đầy đủ thì phải biết chỗ còn lại không có hư không. Nếu có từng phần thì là pháp đó, đây có thể tính đếm. Nếu là có thể tính đếm thì phải biết là vô thường.

Này thiện nam! Nếu có người nói, hư không, không ngăn ngại cùng với có, hòa hợp. Lại có người nói, hư không ở tại sự vật như trái cây ở trong đồ đựng. Cả hai đều chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu nói cùng hòa hợp thì có ba thứ: Một là khác nghiệp hợp như loài chim bay tập hợp trên cây. Hai là cộng nghiệp hợp như hai con dê tiếp xúc nhau. Ba là đã hợp rồi cùng hợp như hai ngón tay hợp ở một chỗ. Nếu nói, khác nghiệp hợp chung mà khác thì có hai, một là nghiệp của vật, hai là nghiệp của hư không. Nếu nghiệp không hợp với vật thì không là vô thường. Nếu nghiệp vật hợp với không thì vật là bất biến, bất biến ấy cũng là vô thường. Nhưng nếu nói hư không là thường mà tánh hư không ấy chẳng động, cùng với vật động hợp thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì hư không nếu thường thì vật cũng nên thường. Vật nếu không thường thì hư không cũng không thường. Nếu nói hư không cũng thường cũng vô thường thì đó là điều không có. Nếu cộng nghiệp hợp thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hư không gọi là cùng khắp nên nếu cùng nghiệp hợp thì nghiệp cũng nên cùng khắp. Nếu nghiệp này cùng khắp thì tất cả nên cùng khắp. Nếu tất cả cùng khắp thì tất cả nên hợp, chẳng nên nói có hợp cùng chẳng hợp. Nếu nói đã hợp cùng với hợp như hai ngón hợp thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì trước không có hợp về sau mới hợp. Trước không, sau có là pháp vô thường. Vậy nên chẳng thể nói, hư không đã hợp rồi cùng hợp như pháp thế gian trước không sau có là vật vô thường. Hư không nếu vậy thì cũng nên vô thường. Nếu nói hư không ở tại sự vật như trái cây ở trong đồ đựng thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì như vậy thì hư không trước lúc không đồ

chứa, ở đâu? Nếu có chỗ trụ thì có nhiều hư không. Như hư không ấy nhiều thì làm sao nói là thường, là một, là cùng khắp? Nếu giả sử hư không lìa khỏi không mà có chỗ trụ thì vật cũng nên lìa khỏi hư không mà trụ. Vậy nên biết là không có hư không. Đây thiện nam! Nếu có người nói, chỗ trụ của ngón tay gọi là hư không thì phải biết hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì ngón tay có bốn phương. Nếu có bốn phương thì phải biết hư không cũng có bốn phương. Nhưng tất cả pháp thường đều không địa phương xứ sở, do có phương sở nên hư không vô thường. Nếu là vô thường thì chẳng lìa khỏi năm ấm, mà lìa khỏi năm ấm là không có gì.

Này thiện nam! Có pháp, nếu từ nhân duyên trụ thì phải biết pháp đó gọi là vô thường.

Này thiện nam! Ví như tất cả chúng sinh, cây cối, nhờ đất mà trụ, mà đất vô thường nên những vật nhờ ở đất theo thứ lớp cũng vô thường.

Này thiện nam! Như đất nương vào nước mà nước vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nương vào gió mà gió vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương hư không mà hư không vô thường nên gió cũng vô thường. Nếu vô thường thì làm sao nói, hư không là thường, cùng khắp tất cả chỗ? Vì hư không là không nên chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng như sừng thỏ là vật không có nên chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai. Vậy nên Ta nói, Phật tánh là thường nên chẳng phải thuộc về ba đời. Hư không là không nên chẳng phải thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Ta nhất định chẳng cùng thế gian tranh cãi. Vì sao? Vì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có, người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát đầy đủ bao nhiêu pháp để chẳng cùng với đời tranh cãi, chẳng bị thế pháp làm ô nhiễm?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát đầy đủ mười pháp thì chẳng cùng với đời tranh cãi và chẳng bị thế pháp làm ô nhiễm. Những gì là

mười? Một là tín tâm, hai là có giới, ba là thân cận bạn lành, bốn là bên trong giới tư duy, năm là đầy đủ tinh tấn, sáu là đầy đủ chánh niệm, bảy là đầy đủ trí tuệ, tám là đầy đủ chánh ngữ, chín là ưa thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sinh.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ mười pháp như vậy thì chẳng cùng với đời tranh cãi, chẳng bị thế pháp làm ô nhiễm, như hoa Ưu-bát-la.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, người trí ở đời nói có, Ta cũng nói có, người trí ở đời nói không, Ta cũng nói không, thì những gì mà người trí ở đời gọi là có, không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người trí ở đời nếu nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã cho đến thức cũng như vậy thì, này thiện nam! Đó gọi là người trí ở đời nói có, Ta cũng nói có.

Này thiện nam! Người trí ở đời nói sắc không có thường, lạc, ngã, tịnh và thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy thì, này thiện nam! Đó gọi là người trí ở đời nói không, Ta cũng nói không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trí thế gian tức là Phật, Bồ-tát, tất cả Thánh nhân. Nếu sắc của các Thánh nhân là vô thường, khổ, không, vô ngã thì sao Như Lai nói sắc thân của Phật thường hằng không biến đổi? Người trí thế gian đã nói là không có pháp, sao Như Lai lại nói là có? Như Lai đã nói như thế, tại sao lại nói là không cùng thế gian tranh cãi, không bị thế pháp làm nhiễm ô? Như Lai đã lia ba thứ điên đảo là tưởng đảo, tâm đảo và kiến đảo thì đáng lẽ nói sắc thân Phật thật là vô thường, nhưng nay nói thường thì sao được gọi là xa lìa điên đảo, chẳng cùng với đời tranh cãi?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sắc của phàm phu từ phiền não sinh ra. Vậy nên kẻ trí nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc của Như Lai thì xa lìa phiền não. Vậy nên nói là thường hằng, không biến đổi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là sắc từ phiền não sinh?

–Này thiện nam! Phiền não có ba thứ là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Kẻ trí phải nên quan sát tội lỗi của ba lậu này. Vì sao? Vì biết tội lỗi rồi có thể xa lìa. Ví như thầy thuốc trước xem mạch bệnh nhân, biết bệnh tại đâu, rồi sau đó mới trao cho thuốc.

Này thiện nam! Như có người đem người mù đến trong rừng gai rồi bỏ đó trở về. Người mù về sau rất khó ra khỏi được mà giả sử có ra khỏi được thì thân thể cũng rách nát hết. Phạm phu thế gian cũng như vậy, chẳng thể thấy biết tội lỗi của ba lậu nên chạy đuổi theo. Như người thấy được tội lỗi ấy thì có thể xa lìa. Biết tội lỗi rồi thì tuy có thọ quả báo nhưng là quả báo nhỏ, nhẹ.

Này thiện nam! Có bốn hạng người: Một là khi tạo nghiệp thì nặng, khi thọ báo thì nhẹ. Hai là khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi thọ báo thì nặng. Ba là khi tạo nghiệp thì nặng, khi thọ báo cũng nặng. Bốn là khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi thọ báo cũng nhẹ.

Này thiện nam! Nếu người có thể quan sát tội lỗi của phiền não thì người này tạo nghiệp, thọ quả đều nhẹ.

Này thiện nam! Người có trí có ý nghĩ như vậy: “Ta nên xa lìa các lậu như vậy. Lại nữa, chẳng nên làm những việc xấu xa thô bỉ như vậy. Vì sao? Vì Ta nay chưa được giải thoát khỏi quả báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Ta nếu tu đạo thì sẽ nhờ cái lực đó mà phá hoại các khổ”. Người này quan sát rồi thì tham dục, sân hận, ngu si nhỏ yếu dần đi. Đã thấy tham dục, sân hận, ngu si nhẹ rồi thì lòng người ấy vui mừng mà khởi ý nghĩ này: “Ta nay như vậy đều do lực nhân duyên tu đạo nên khiến cho ta được lìa khỏi pháp bất thiện, gần gũi pháp thiện. Vậy nên hiện tại được thấy chánh đạo thì cần phải siêng năng tu tập đạo thêm lên”. Người này nhân sức siêng tu đạo đó mà xa lìa vô lượng những phiền não ác và lìa khỏi quả báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Vậy nên ở trong kệ kinh Ta nói, phải quan sát tất cả phiền não hữu lậu và nhân của hữu lậu. Vì sao? Vì người có trí nếu chỉ quan sát lậu, chẳng quan sát nhân của lậu thì chẳng thể cắt đứt các phiền não. Vì sao? Vì kẻ trí quan sát: “Lậu từ nhân này sinh ra, Ta nay cắt đứt nhân thì lậu chẳng sinh

ra”.

Này thiện nam! Như vị thầy thuốc kia, trước cắt đứt nhân của bệnh thì bệnh chẳng sinh ra. Kẻ trí, trước cắt đứt nhân của phiền não thì cũng như vậy. Người có trí trước phải quan sát nhân, tiếp đến quan sát quả báo, biết từ nhân thiện sinh ra quả thiện, biết từ nhân ác sinh ra quả ác, quan sát quả báo rồi xa lìa nhân ác. Quan sát quả báo rồi lại phải tiếp đến quan sát sự nặng nhẹ của phiền não. Quan sát được nặng nhẹ rồi thì trước lìa khỏi phiền não nặng. Đã lìa khỏi phiền não nặng rồi thì phiền não nhẹ tự tiêu mất.

Này thiện nam! Người trí nếu biết phiền não, nhân của phiền não, quả của phiền não, phiền não nặng nhẹ thì người này lúc ấy, tinh cần tu đạo chẳng dừng chẳng hối, gần gũi bạn lành, hết lòng nghe pháp vì diệt các phiền não như vậy.

Này thiện nam! Ví như người bệnh tự biết bệnh nhẹ thì nhất định có thể trừ khỏi, tuy uống thuốc đắng nhưng uống vào chẳng hối. Người có trí cũng như vậy, siêng tu Thánh đạo, hoan hỷ, chẳng buồn, chẳng dừng chẳng hối.

Này thiện nam! Nếu người có thể biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nhẹ nặng mà vì trừ phiền não nên siêng tu Thánh đạo thì người này chẳng từ phiền não sinh ra sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu người chẳng thể biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nặng nhẹ nên chẳng siêng tu tập Thánh đạo thì người đó từ phiền não sinh ra sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này thiện nam! Người biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nặng nhẹ rồi vì cắt đứt phiền não mà tu hành Thánh đạo tức là Như Lai. Do nhân duyên này nên sắc của Như Lai thường cho đến thức thường.

Này thiện nam! Kẻ chẳng biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não và phiền não nặng nhẹ, chẳng tu tập đạo tức là phàm phu. Vậy nên sắc của phàm phu vô thường và thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

Này thiện nam! Người trí của thế gian, tất cả Thánh nhân, Bồ-

tát, chư Phật nói hai nghĩa này. Ta cũng như vậy nói hai nghĩa này. Vậy nên Ta nói, chẳng cùng với người trí của thế gian tranh cãi, chẳng bị thế pháp làm ô nhiễm.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, có ba thứ lậu thì sao gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Dục lậu là giác quán ác bên trong nhân duyên bên ngoài mà sinh ra dục lậu. Vậy nên thuở trước, Ta ở tại thành Vương-xá, bảo Tôn giả A-nan: “Này Tôn giả A-nan! Ông nay hãy nhận bài kệ tụng của người con gái này! Bài kệ này chính là lời tuyên thuyết của chư Phật đời quá khứ”. Vậy nên tất cả giác quán ác bên trong và các nhân duyên bên ngoài gọi là dục. Đó gọi là dục lậu. Hữu lậu là, các pháp ác bên trong và các nhân duyên bên ngoài của Sắc giới và Vô sắc giới trừ các nhân duyên bên ngoài và các giác quán bên trong của Dục giới. Đó gọi là hữu lậu. Vô minh lậu là, chẳng thể rõ biết ngã và ngã sở, chẳng phân biệt trong ngoài thì gọi là vô minh lậu.

Này thiện nam! Vô minh tức là căn bản của tất cả các lậu. Vì sao? Vì nhân vô minh của tất cả chúng sinh duyên với ám, giới, nhập nhớ tưởng, khởi tưởng gọi là chúng sinh. Đó gọi là tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Do nhân duyên này sinh ra tất cả lậu. Vậy nên ở mười hai bộ loại kinh văn, Ta nói, vô minh tức là nhân của tham, nhân của sân, nhân của si.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thuở trước ở trong Mười hai bộ loại kinh văn có nói: “Chẳng khéo suy nghĩ nhân duyên sinh ra tham, sân, si”. Vì nhân duyên gì đến nay nói là vô minh?

–Này thiện nam! Hai pháp như vậy giúp nhau làm nhân quả, giúp nhau tăng trưởng: Tư duy bất thiện sinh ra vô minh, nhân duyên vô minh sinh ra tư duy bất thiện.

Này thiện nam! Những điều ấy có thể sinh trưởng các phiền não nên đều gọi là nhân duyên của phiền não. Thân cận nhân duyên

phiền não như vậy thì gọi là vô minh, tư duy bất thiện. Như hạt sinh ra mầm thì hạt là nhân gần, bốn đại là nhân xa, phiền não cũng vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, vô minh tức là lậu, thì sao lại nói, nhân vô minh nên sinh ra các lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời Ta nói, vô minh lậu tức là nội vô minh. Do vô minh sinh ra các lậu thì đó là nhân nội ngoại. Nếu nói vô minh lậu là gọi sự điên đảo ở bên trong, thì chẳng nhận thức được vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu nói tất cả phiền não là nhân duyên thì đó gọi là chẳng biết ngã và ngã sở bên ngoài. Nếu nói vô minh lậu là vô thủ vô chung, thì từ vô minh sinh ra ấm, giới, nhập.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, người có trí biết được nhân của lậu, thì sao gọi là biết được nhân của lậu?

–Này thiện nam! Người trí phải quan sát, vì nhân duyên gì mà sinh ra phiền não này? Làm việc gì mà sinh ra phiền não? Vào lúc nào mà sinh ra phiền não? Khi ở chung với ai mà sinh ra phiền não? Ở đâu mà sinh ra phiền não? Quan sát việc gì rồi sinh ra phiền não? Thọ nhận phòng nhà, ngoại cụ, ẩm thực, y phục, thuốc thang của ai mà sinh ra phiền não? Vì nhân duyên gì nên chuyển từ hạ lên trung, chuyển từ trung lên thượng, từ hạ nghiệp lên trung, từ trung nghiệp lên thượng? Khi Đại Bồ-tát khởi sự quan sát này thì được xa lìa nhân duyên sinh ra lậu. Khi quan sát như vậy phiền não chưa sinh thì ngăn chặn khiến cho chẳng sinh, phiền não đã sinh thì liền trừ diệt. Vậy nên ở trong khế kinh, Ta nói, kẻ trí phải quan sát nhân sinh ra phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Chúng sinh có một thân thì làm sao có thể khởi đủ thứ phiền não?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như trong một đồ vật đựng đủ thứ hạt, khi gặp được nước mưa rồi thì loại nào cũng đều tự mọc lên. Chúng sinh

cũng vậy, đồ chứa tuy là một, nhưng do nhân duyên ái mà có thể sinh trưởng đủ thứ phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kẻ trí làm sao quan sát được quả báo?

–Này thiện nam! Người trí phải quan sát: Các nhân duyên của lậu có thể sinh ra địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nhân duyên của lậu này được thân người, trời tức là vô thường, khổ, không, vô ngã; trong đồ chứa thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường; nhân duyên của lậu này có thể khiến cho chúng sinh tạo tác tội ngũ nghịch, thọ các báo ác, có thể cắt đứt căn lành, phạm bốn trọng cấm, bài báng Tam bảo. Người trí phải quan sát: Ta đã thọ được thân như vậy thì chẳng nên sinh khởi những phiền não như vậy mà bị thọ các quả ác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có quả vô lậu. Thế Tôn lại nói, kẻ trí đoạn trừ các quả báo thì quả vô lậu có ở trong sự đoạn trừ này không? Những người đắc đạo có quả vô lậu, cũng như kẻ trí ấy cầu quả vô lậu thì sao Đức Phật nói, tất cả kẻ trí nên đoạn trừ quả báo? Nếu người ấy đoạn thì các Thánh nhân hôm nay làm sao có được?

–Này thiện nam! Như Lai, hoặc khi trong nhân nói quả, trong quả nói nhân. Như người thế gian nói, bần tức là bình, lụa tức là áo. Đó gọi là trong nhân nói quả. Trong quả nói nhân thì như con bò tức là nước cỏ, người tức là thức ăn. Ta cũng như vậy, trong nhân nói quả. Ở trước, trong kinh đã nói: “Ta do tâm thân đi đến biên giới của Phạm thiên”. Đó gọi là trong nhân nói quả. Trong quả nói nhân thì như lục nhập này gọi là nghiệp quá khứ. Đó gọi là trong quả nói nhân.

Này thiện nam! Tất cả Thánh nhân chân thật không có quả báo vô lậu. Quả báo tu đạo của tất cả Thánh nhân lại chẳng sinh ra lậu. Vậy nên gọi là quả báo vô lậu.

Này thiện nam! Người có trí khi quan sát như vậy thì quả báo phiền não liền được tiêu diệt vĩnh viễn. Này thiện nam! Người trí quan sát rồi, vì đoạn trừ quả báo phiền não như vậy nên tu tập Thánh đạo. Thánh đạo tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tu đạo

này rồi có thể diệt quả báo của tất cả phiền não.

